TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 102/2026/HC-PT
Ngày: 03 - 02 - 2026
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu

Bà Nguyễn Thị Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 387/2025/TLPT-HC ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 112/2025/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét sử số 02/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1963 (chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh H1:

1. Ông Trần Bảo S, sinh năm 1997 (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị Bảo N, sinh năm 2003 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số C N, phường M, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà N: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Số B C, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố P;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Lâm Đồng (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: B đường T, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Phạm Thị Minh H2 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng) (vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân phường P (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Lâm Đồng) (vắng mặt)

3. Ban Q1 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Bảo S (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh H1).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2021 và các lời khai trong quá trình tranh tụng, người khởi kiện và đại diện người khởi kiện trình bày:

Vào năm 1980 Cha ông Trần Thanh H1 có khai hoang một số đất rẫy thuộc khu vực phường P nằm trên trục đường G.

Thửa thứ nhất: có diện tích 5.289m^2, Phía đông giáp đất ông Trần Văn P1 (đã được Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh đo đạc giai đoạn đầu, tại tờ bản đồ số 5, thửa 15). Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân phường P và Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh đo đạc lại qua kiểm kê cây cối là 424 cây Điều bốn năm tuổi. Khi Nhà nước thực hiện Quy hoạch sử dụng đất hai bên đường G, ông Trần Thanh H1 có làm đơn gởi Ủy ban nhân dân phường P xin xác định lại phần diện tích 5.289m^2 đất này thì được Ủy ban nhân dân phường P trả lời phần diện tích đất của ông với phần diện tích đất của ông Trần Văn P2 (Đất nằm cạnh sát với đất ông) có chung diện tích là 1,722ha và cho rằng đất này do Ban Q1 quản lý.

Thửa thứ hai: Diện tích là 2.400m^2 nguyên trước đây cha ông Trần Thanh H1 là Trần Văn P2 khai hoang vào năm 1980, khoảng 03 ha có trồng 40 cây Điều lớn, một số cây mãng cầu, cây dầu Khuynh Diệp và cây M. Năm 1995, Ban Q1 đã trồng keo Lá Tràm xung quanh phần đất canh tác của cha con ông

Trần Thanh H1. Cha ông Trần Thanh H1 đã làm Đơn xin Ban Q1 xác nhận ông có một mảnh vườn trồng cây ăn quả có diện tích 9.000m^2 không thuộc diện tích rừng trồng của Ban quản rừng phòng hộ quản lý. Ngày 07/02/2005 Công ty R thực hiện Dự án trồng rừng sinh thái phát triển du lịch. Ông đã sang nhượng 6.630m^2 đất thuộc phần diện tích 9.000m^2 đất của ông cho Công ty R để thực hiện dự án trồng rừng sinh thái phát triển du lịch tại phường P và phường H. Công ty R đã giao cho ông 82.000.000 đồng để đền bù cho phần diện tích 6.630m^2 và cây trồng trên đất (có Biên bản thỏa thuận). Khi Nhà nước Quy hoạch dự án đường G, phần đất còn lại của ông trong phần diện tích 9.000m^2 đã được trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh đo đạc lại có diện tích là 2.400m^2 và 198 cây Điều 04 năm tuổi trồng năm 2002.

Ngày 16/11/2007 Ban Q1 và Ủy ban nhân dân phường P (cũ) đã cùng nhau trực tiếp kiểm tra để xác minh nguồn gốc đất sản xuất trên tuyến đường 706B. Tại Biên bản kiểm tra ngày 16/11/2007 đo đạc xác nhận phần diện tích 2.400m^2 này là đất canh tác của gia đình ông Trần Thanh H1, hiện trạng là đất rẫy, nguồn gốc đất không thuộc rừng trồng của Ban Q1 (có Biên bản kèm theo).

Ủy ban nhân dân thành phố P đã thu hồi đất của ông Trần Thanh H1 nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần Thanh H1 theo quy định pháp luật.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bị xâm phạm nên ngày 24/02/2020 ông Trần Thanh H1 đã gởi Đơn khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trần Thanh H1 với phần diện tích dất theo đúng quy định pháp luật: 1/Thửa thứ nhất 5.289m^2; 2/Thửa thứ hai: 2.400m^2.

Lý do khiếu nại: Đất của gia đình ông Trần Thanh H1 là có nguồn gốc do cha ông Trần Thanh H1 là ông Trần Văn P2 khai hoang từ năm 1980, bởi vì:

Ngày 03/01/2004 cha ông Trần Thanh H1 có làm Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất rẫy gửi cho cơ quan có chức năng và đã được Ban Q1 xác nhận nội dung: Ông Trần Văn P2 có 9.000m^2 gồm Mãng Cầu, Điều và một số 3 cây Bạch Đàn. Cũng tại Đơn này có một số người có đất nằm cạnh sát đất của ông Trần Thanh H1 cũng đã ký tên làm chứng.

Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 1566/QĐ - UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh B thì đất của ông Trần Thanh H1 được sử dụng ổn định, không tranh chấp. Phần diện tích đất 2.400m^2 đã được cơ quan có chức năng xác nhận, hiện trạng là đất rẫy, có nguồn gốc: Đất rẫy không thuộc rừng trồng của Ban Q1.

Hộ gia đình ông Trần Thanh H1 là hộ nông nghiệp và đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã được Ủy ban nhân dân phường H xác nhận theo Đơn xin xác nhận hộ nông nghiệp ngày 12/7/2010.

Ngày 18/10/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6027/QĐ - UBND về việc giải quyết khiếu nại và cho rằng nội dung

khiếu nại của ông Trần Thanh H1 không có cơ sở vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Đất Đai năm 2003.

Tại nội dung về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất theo Quyết định số 6027/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P cho rằng: Đối với phần diện tích 2.400m^2 do ban quản lý rừng quản lý, đất nằm quy hoạch ba loại rừng theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UBND ngày 12/02/2001 của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Nội dung này là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý, bởi vì: Tại Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất rẫy của Cha ông Trần Thanh H1 là ông Trần Văn P2 ngày 03/01/2004 thì ngày 04/6/2004 Ban Q1 có xác nhận nội dung như sau:

Ngày 04/6/2004 Ban Q1 có tổ chức kiểm tra đất sản xuất nông nghiệp của các hộ dân trong phạm vi rừng trồng của B. Sau khi xem xét các hộ liên quan Ban quản lý xác nhận là hộ của ông Trần Văn P2 có diện tích vườn cây ăn quả là 9.000m^2 gồm mãng cầu, Điều và một số cây bạch đàn. Kèm theo Biên bản có Ban điều hành khu phố 1 phường H xác nhận chữ ký của ba hộ dân xung quanh làm chứng.

Tại Biên bản kiểm tra xác minh nguồn gốc đất sản xuất trên tuyến đường 706B ngày 16/11/2007 của Ban Q1 có xác nhận nội dung diện tích đất canh tác của hộ ông H1 là 0,24ha. Hiện trạng đất rẫy. Nguồn gốc đất: đất rẫy không thuộc rừng trồng của đơn vị (có chứng cứ kèm theo).

Tại Biên bản kiểm kê đất đai nhà cửa, vật kiến trúc, cây trái, hoa màu và mồ mã ngày 27/12/2007 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh đã xác nhận là ông Trần Thanh H1 có trồng 198 cây Đào trồng năm 2002.

Đối với phần diện tích 5.289m^2, phía đông giáp đất ông Trần Văn P1 (đã được Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh đo đạc giai đoạn đầu thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 5) qua kiểm kê có 424 cây Điều trồng năm 2002. Phần diện tích đất ông H1 đề nghị giải quyết bồi thường nằm trong phần diện tích do ban Q1 quản lý và đã cắm mốc bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh theo Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 1566/QĐ - UBND ngày 16/6/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, nội dung này là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý, Bởi vì: Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân phường P và Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh đo đạc lại qua kiểm kê cây cối là 424 cây Điều bốn năm tuổi đã được trồng từ năm 2002 (có chứng cứ kèm theo).

Cả hai thửa đất nêu trên ông Trần Thanh H1 đã trồng tổng cộng 622 cây Điều vào năm 2002 được thể hiện tại Biên bản kiểm tra phân loại và xác định tuổi cây trồng ngày 12/7/2008 của Tổ kiểm tra phân loại và xác định tuổi cây trồng của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh B (Có chứng cứ hồ SO kèm theo). Nếu căn cứ vào quy định pháp luật và các chứng cứ có trong khiếu nại và khởi kiện thì trường hợp đất của ông Trần Thanh H1 không phải là đất do Ban Q1 quản lý, đất nằm trong quy hoạch ba loại rừng theo quyết định số 09/2001/QĐ - UBND ngày 12/2/2001 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Qua nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại số 6027/QĐ-UBND, các cơ quan chức năng chưa đưa ra được chứng cứ và quy định pháp luật để chứng minh cho Quyết định số 6027/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là đúng quy định pháp luật.

Theo các chứng cứ đã có trong hồ sơ và căn cứ vào quy định pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P lẽ ra phải đồng ý với nội dung Đơn khiếu nại của ông Trần Thanh H1 và áp dụng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định việc bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất đang sử dụng từ ngày 15/10/1993 trở về sau mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 1566/QĐ - UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh B thì đất của ông Trần Thanh H1 sử dụng ổn định, không tranh chấp từ trước năm 2002, đã được cơ quan có chức năng xác nhận: Hiện trạng là đất rẫy, có nguồn gốc đất rẫy không thuộc rừng trồng của Ban Q1.

Hộ gia đình ông Trần Thanh H1 là hộ nông nghiệp và đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã được Ủy ban nhân dân phường H xác nhận theo Đơn xin xác nhận hộ nông nghiệp ngày 12/7/2010 (có chứng cứ kèm theo).

Ông Trần Thanh H1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6027/ QĐ - UBND

ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P hành vi hành chính ban hành quyết định thu hồi đất.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Trần Thanh H1 theo đúng quy định pháp luật

Người bị kiện trình bày tại văn bản số 934/UBND-NC, ngày 04/3/2022 như sau:

Ngày 18/10/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6027/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh H1 trú tại khu phố A, phường H, thành phố P (lần đầu).

1. Về nội dung khiếu nại: Khiếu nại việc Uỷ ban nhân dân thành phố thu hồi 02 thửa đất của gia đình ông, nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường là không đúng quy định làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông;

Yêu cầu của người khiếu nại: Đề nghị cơ quan chức năng xem xét ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với 02 thửa đất bị thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng công trình đường và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B theo quy định pháp luật.

2. Về hình thức, thẩm quyền giải quyết khiếu nại: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6027/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh H1 trú tại khu phố A, phường H, thành phố P (lần đầu) là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

3. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6027/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh H1, trú tại khu phố A, phường H, thành phố P (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

4. Về nội dung giải quyết khiếu nại:

* Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

- Ngày 25/9/2007 và ngày 29/10/2008, Ủy ban nhân dân phường P xác nhận nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất của hộ ông Trần Thanh H1 có nội dung như sau:

+ Đối với phần diện tích 2.400m^2 do Ban Q1 quản lý, đất nằm trong quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UBND ngày 12/02/2001 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, ông H1 trồng cây Điều năm 2007. Trên đất có 198 cây Điều 04 năm tuổi theo kết luận tuổi cây trồng ngày 27/7/2008 của Sở N;

+ Đối với phần diện tích 5.289m^2, phía Đông giáp với đất ông Trần Văn P1, qua kiểm kê có 424 cây Điều 4 năm tuổi. Phần diện tích đất ông H1 đề nghị giải quyết bồi thường nằm trong phần diện tích do Ban Q1 quản lý và đã cắm mốc bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh theo khoản 3 Điều 3 Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

*Thông báo số 134/TB-UBND ngày 17/7/2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về ý kiến kết luận của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 10/7/2008, giải quyết vướng mắc trong việc tổ chức triển khai công trình sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B: Hỗ trợ về tài sản có trên đất với mức 100%.

* Về xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

- Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường P tại Văn bản số 250/UBND ngày 15/3/2021, xác nhận hộ ông H1 không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp vì không có đất tại phường P;

- Ủy ban nhân dân phường H (nơi thường trú) xác nhận hộ ông H1 là hộ làm nông nghiệp và có thu nhập chính từ nông nghiệp tại Văn bản số 67/UBND ngày 13/4/2021.

* Như vậy:

- Đối với phần diện tích 5.289m^2, phía Đông giáp với đất ông Trần Văn P1 (đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đo đạc giai đoạn đầu thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 5), qua kiểm kê, có 424 cây Điều 4 năm 3 tuổi. Phần diện tích đất ông H1 đề nghị giải quyết bồi thường nằm trong phần diện tích do Ban Q1 (nay là Ban Q1) quản lý và đã cắm mốc bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh theo Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Mặt khác, đối với phần diện tích này ông H1 không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc sử dụng đất của mình và hiện nay không có hồ sơ, vì vậy không có cơ sở để xem xét giải quyết;

- Đối với phần diện tích 2.400m^2, nguồn gốc đất là do Nhà nước quản lý theo Báo cáo số 396/UBND ngày 08/4/2021 của Ủy ban nhân dân phường P về việc xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Trần Thanh H1: Căn cứ kết quả xét tính pháp lý ngày 25/9/2007 và ngày 29/02/2008 của Ủy ban nhân dân phường P, hộ ông H1 có diện tích 2.400m^2 do ông H1 bao chiếm trồng cây là đất do Ban Q1 quản lý (nay là Ban Q1) và đã cắm mốc bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh theo Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân phường P xác nhận hộ ông Trần Thanh H1 không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp do không có đất tại địa phương tại Văn bản số 250/UBND ngày 15/3/2021. Ngày 24/9/2021, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố tổ chức buổi đối thoại để giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh H1. Qua đó, thống nhất theo kết quả xác minh của Thanh tra thành phố tại Báo cáo số 465/BC-TTPT ngày 16/8/2021; nội dung khiếu nại của ông H1 là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003 thì ông Trần Thanh H1 khiếu nại việc Ủy ban nhân dân thành phố P không ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Trần Thanh H1 thuộc Dự án xây dựng công trình đường và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B là sai.

Từ những cơ sở nêu trên: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6027/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 về việc giải quyết khiếu ông Trần Thanh H1, trú tại khu phố A, phường H, thành phố P (lần đầu) là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận trình bày tại văn bản số 512/PTQĐ-QLQĐ, ngày 08/12/2023 như sau:

I. Về hồ sơ bồi thường:

Căn cứ các văn bản sau:

- Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 11/8/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình sử dụng quỹ đất 02 bên đường G (đoạn từ Km7+436 đến Km24+360) thuộc xã T, phường P, phường H, phường M, thành phố P.

- Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi và giao đất cho Q Đầu tư và Phát triển quỹ đất Bình Thuận để thực hiện Quy hoạch sử dụng đất hai bên đường 706B (đoạn từ Km 7 + 436 đến K) tại phường P, phường H, xã T, thành phố P.

- Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 21/7/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc đính chính Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi và giao đất cho Q Đầu tư và Phát triển quỹ đất Bình Thuận để thực hiện Quy hoạch sử dụng đất hai bên đường 706B (đoạn từ Km 7 + 436 đến K) tại phường P, phường H, xã T, thành phố P (Kèm theo Bảng kê danh sách các chủ sử dụng đất bị thu hồi, thuộc địa bàn phường P).

Hộ ông H1 không có quyết định thu hồi đất, trồng cây trên đất do Ban Q1 (nay là Ban Q1) quản lý. Ngày 27/12/2007, Trung tâm tiến hành kiểm kê tài sản nằm trong khu vực giải tỏa của hộ ông H1, gồm: Đào 622 cây/04 năm tuổi - Theo kết luận về việc xác định tuổi cây trồng ngày 27/7/2008 của Sở N.

Ngày 25/9/2007 và ngày 29/10/2008 Ủy ban nhân dân phường P họp xét tính pháp lý về nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông H1, như sau: "...Hộ ông H1 có diện tích 2.400m^2: Đất do Ban Q1 quản lý, nằm trong quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UBND ngày 12/02/2001 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, ông H1 ra trồng cây Đ vào năm 2007".

Ngày 21/11/2008, Ủy ban nhân dân phường P có Văn bản số 182/TT-UBPH về việc xác định lại thời điểm trồng đào của hộ ông H1: Số cây đào do hộ ông H1 trồng vào cuối năm 2004.

Về tài sản có trên đất, căn cứ theo Thông báo số 134/TB-UBND ngày 17/7/2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc ý kiến kết luận của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 10/7/2008, giải quyết vướng mắc trong việc tổ chức triển khai công trình sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B: Hỗ trợ về tài sản có trên đất với mức 100%.

Ngày 16/12/2008, Trung tâm đã lập hồ sơ bồi thường về cây trồng cho hộ ông H1, với số tiền: 124.400.000 đồng. Ngày 15/01/2009, UBND tinh ban hành Quyết định phê duyệt số 170/QĐ-UBND, trong đó có hộ ông H1, với số tiền: 124.400.000 đồng và hộ ông H1 đã nhận hết số tiền bồi thường này vào ngày 21/01/2009.

II. Về Hồ sơ bồi thường (có đóng dấu treo của Trung tâm) đối với hộ ông Trần Thanh H1, như sau:

- Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 11/8/2005 của Uỷ ban nhân dân tỉnh; - Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh; - Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 21/7/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh: Biên bản kiểm kê ngày 27/12/2007; - Phiếu thẩm định pháp lý ngày 02/12/2008; - Bảng tính giá trị đền bù ngày 16/12/2008; 2 - Kết luận về việc xác định tuổi cây trồng ngày 27/7/2008 của Sở N; - Quyết định số 170/QĐ-UBND

ngày 15/01/2009 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; - Phiếu chi trả tiền đền bù ngày 21/01/2009 của Trung tâm. Trên đây là nội dung cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến hồ sơ bồi thường của hộ ông Trần Thanh H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ban Q1 trình bày tại Văn bản số 50/BQLRHP-KT, ngày 13/8/2025 như sau:

Đối với rừng và đất rừng thuộc hành lang tuyến đường 706B trên địa bàn phường H và phường P nay là phường M và phường P) trước đây do Ban Q1 quản lý (đã giải thể và sáp nhập vào Ban Q1 vào đầu năm 2015).

Trong quá trình làm các thủ tục để giải thể, sáp nhập, Ban Q1 và Ban Q1 không giao, nhận rừng và đất rừng trên hành lang tuyến đường G thuộc địa bàn phường H và phường P. Mặt khác, theo quy hoạch 03 loại rừng (theo Quyết định số 3656/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh) và hiện trạng rừng, đất rừng được tỉnh công nhận, giao đơn vị quản lý (theo Quyết định số 2518/QĐ- UBND ngày 30/8/2016) thì trên hành lang tuyến đường 706B không có rừng, đất rừng của đơn vị. Do đó diễn biến trên khu vực này từ năm 2015 trở về trước đơn vị không nắm rõ.

Từ tình hình thực tế nêu trên, đơn vị kiến nghị quý tòa dựa trên hồ sơ, liệu đã được Ban Q1 cùng các cơ quan có thẩm quyền xác lập và bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh B (nay là tỉnh Lâm Đồng) quản lý tuyến hành lang đường 706B để làm cơ sở trong quá trình xét xử. Đơn vị không có ý kiến gì khác.

Hiện tại, đơn vị chỉ được định biên 01 kỹ thuật phải thường xuyên tác nghiệp hiện trường, nhất là vào mùa vụ trồng, chăm sóc rừng. Do đó kiến nghị Toà án đồng ý để Ban Q1 vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 98/2021/TLST-HC ngày 18/11/2011 về việc "Khiếu kiện quyết định, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (cũ) trong quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa và cũng không gửi văn bản ý kiến về vụ án cho Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 112/2025/HC-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 6027/QĐ-UBND, ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh H1, trú tại khu phố A, phường H, thành phố P (lần đầu).

2. Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, về việc: Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Lâm Đồng phải ban hành quyết định thu hồi 7.689m^2 đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình người khởi kiện.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/9/2025 ông Trần Bảo S (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh H1) kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông Trần Bảo S (có ông Nguyễn Văn P là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng căn cứ hồ sơ bồi thường trên đất bị thu hồi có bồi thường 124.400.000 đồng; người khởi kiện không chứng minh được quá trình sử dụng liên tục là không đúng vì sau khi khai hoang ông H1 trồng cây ngắn ngày, khi kiểm kê năm 2007 có cây trồng trên đất. Năm 2006, 2007 đã có quyết định đưa phần đất ra khỏi đất 03 loại rừng nên việc cho rằng đây là đất rừng là không đúng. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 85 Nghị định 84/2007/NĐ-CP đối với trường hợp của ông H1 là quản lý sử dụng đất từ 15/10/1993 đến trước 01/7/2004, để xác định ông H1 đủ điều kiện bồi thường về đất.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định ông H1 sử dụng phần đất từ năm 2002 nên không đủ điều kiện bồi thường về đất. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Ông H1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ đã khai hoang phần đất từ năm 1980. Theo kết luận giám định của sở N thì toàn bộ cây Điều trên đất được trồng năm 2002, nên không có cơ sở xác định hộ ông H1 quản lý sử dụng đất trước 15/10/1993, mà chỉ sử dụng đất từ năm 2002. Ngoài ra, Uỷ ban nhân dân phường xác định phần đất bị thu hồi nằm trong đất 03 loại rừng gia cho Ban Q1. Do người khởi kiện không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất, nên không được bồi thường về đất. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Hộ gia đình ông Trần Thanh H1 bị thu hồi 02 thửa đất để thực hiện Dự án xây dựng công trình đường và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B đều thuộc phường P, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng, nhưng không được bồi thường về đất. Sau khi ông H1 khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 6027/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 giải quyết khiếu nại, với nội dung bác khiếu nại của ông H1. Do đó, ông H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6027/ QĐ - UBND

ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P hành vi hành chính ban hành quyết định thu hồi đất.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Trần Thanh H1 theo đúng quy định pháp luật

Người bị kiện cho rằng việc giải quyết khiếu nại của ông H1 là đúng quy định pháp luật, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Thực hiện Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi và giao đất cho Q Đầu tư và Phát triển quỹ đất Bình Thuận để thực hiện Quy hoạch sử dụng đất hai bên đường 706B (đoạn từ Km 7 + 436 đến K) tại phường P, phường H, xã T, thành phố P; Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 21/7/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc đính chính Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh B và Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 11/8/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình sử dụng quỹ đất 02 bên đường G (đoạn từ Km7+436 đến Km24+360), Ủy ban nhân dân thành phố P (cũ) đã thu hồi của hộ ông Trần Thanh H1 02 thửa có tổng diện tích 7.689m^2 tại phường P, thành phố P, nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng. Hiện trạng phần đất có trồng cây Điều.

Theo giám định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B ngày 27/7/2008 thì toàn bộ 622 cây Điều có trên đất thu hồi của hộ người khởi kiện được trồng vào năm 2002. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trên thì có cơ sở xác định hộ ông H1 đã quản lý, sử dụng đất từ năm 2002 (sau ngày 15/10/1993), nên không đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai 2003 và Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP, ngày 23/5/2007. Ủy ban nhân dân thành phố P không ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ

trợ và tái định cư khi thu hồi 7.689m^2 đất tại phường P nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng cho hộ ông H1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Ông H1 cho rằng nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi là do cha người khởi kiện là ông Trần Văn P2 khai hoang từ năm 1980 và đã sử dụng từ năm 1980 đến ngày bị thu hồi năm 2006. Nhưng người khởi kiện không chứng minh được quá trình sử dụng đất liên tục từ năm 1980 đến ngày bị thu hồi năm 2006 và không có 01 trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai 2003. Việc hộ ông H1 sử dụng đất từ năm 2002 đến ngày bị thu hồi năm 2006 không được coi là sử dụng lâu dài, ổn định, liên tục.

Mặt khác, Ủy ban nhân dân phường N có đất xác định: Đất thu hồi của hộ người khởi kiện là đất nằm trong quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UBND ngày 12/02/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh B (cũ) và đất nằm trong phần diện tích do Ban Q1 quản lý và đã cắm mốc bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh theo khoản 3 Điều 3 Quyết định số 1566/QĐUBND ngày 16/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh B (cũ). Do đó, lời trình bày của người khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận định và quyết định là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông S có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của ông S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của ông Trần Bảo S (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh H1);

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 112/2025/HC-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Áp dụng Điều 50 Luật Đất đai 2003; Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, ngày 23/5/2007 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 6027/QĐ-UBND, ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh H1, trú tại khu phố A, phường H, thành phố P (lần đầu).

2. Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, về việc: Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Lâm Đồng phải ban hành quyết định thu hồi 7.689m^2 đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình người khởi kiện.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Bảo S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai thu số 0003395 ngày 23/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (3);
- Lưu (10) 21b (ÁnTTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên